TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 18** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 95/2025/HS-ST
Ngày: 26-9-2025

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 18-THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Ông Nguyễn Tuấn Nam.

- *Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Trần Thị Ngọc Hạnh;

2. Bà Nguyễn Kim Lý.

- ***Thư ký phiên tòa***: Ông Nguyễn Thanh Toàn – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 18-Thành phố Hồ Chí Minh.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 18-Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa***: Bà Phạm Thị Triều Mến - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 18-Thành phố Hồ Chí Minh mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 69/2025/TLST-HS ngày 29 tháng 8 năm 2025, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 94/2025/QĐXXST-HS ngày 15 tháng 9 năm 2025 đối với bị cáo:

Họ và tên: Phạm Minh T, sinh năm 1987; HKTT: Ấp Đ, xã H, tỉnh Cà Mau (địa chỉ cũ: Ấp Đ, xã H, huyện T, tỉnh Cà Mau); nơi cư trú trước đây: Tổ A, khu phố C, phường B, Thành phố Hồ Chí Minh (địa chỉ cũ: Tổ A, khu phố C, phường M, thành phố B, tỉnh Bình Dương); nơi cư trú hiện nay: Số nhà D, đường D, Tổ A, khu phố F, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: Tài xế; trình độ học vấn: 09/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Hùng T1 và bà Nguyễn Thị T2; vợ Lý Ngọc K (đã ly hôn); bị cáo có 01 con sinh năm 2021; tiền án: Không; tiền sự: Không; bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 03/05/2025; có mặt.

2.2. Bị hại: Ông Vương Văn T3, sinh năm 1973 (đã chết). *Người đại diện hợp pháp của bị hại:*

- Bà Lê Thị S, sinh năm 1952; địa chỉ: Tổ F, khu phố E, phường B, Thành phố Hồ Chí Minh; có mặt.

- Bà Nguyễn Thị T4, sinh năm 1976; địa chỉ: Tổ F, khu phố E, phường B, Thành phố Hồ Chí Minh; có mặt.

- Ông Vương Phú L, sinh năm 1996; địa chỉ: Khu phố E, phường B, Thành phố Hồ Chí Minh. Người đại diện hợp pháp: Bà Nguyễn Thị T4, sinh năm 1976; địa chỉ: Tổ F, khu phố E, phường B, Thành phố Hồ Chí Minh, là người đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền ngày 14/5/2025); có mặt.

- Ông Vương Nguyễn Khởi B, sinh năm 2003; địa chỉ: Khu phố E, phường B, Thành phố Hồ Chí Minh. Người đại diện hợp pháp: Bà Nguyễn Thị T4, sinh năm 1976; địa chỉ: Tổ F, khu phố E, phường B, Thành phố Hồ Chí Minh, là người đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền ngày 14/5/2025); có mặt.

2.3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án: Ông Nguyễn Ngọc P, sinh năm 1963; địa chỉ: Số H, tổ B, khu phố P, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Bị cáo Phạm Minh T được Sở Giao thông vận tải Thành phố H cấp giấy phép lái xe hạng C số 740093001705 ngày 18/8/2022, có giá trị đến ngày 18/8/2027. Đầu tháng 12/2024, T thuê xe ô tô con (loại 05 chỗ) biển số 61A-303.72 của ông Nguyễn Ngọc P để chạy dịch vụ chở khách. Khoảng 21 giờ 30 phút ngày 28/12/2024, sau khi chở khách đến khu công nghiệp B, T điều khiển xe ô tô biển số 61A-303.72 lưu thông trên đường Quốc lộ 13 theo hướng từ B đến B. Khi đến đoạn đường Q thuộc khu phố E, phường M, thành phố B, tỉnh Bình Dương (nay là phường B, Thành phố Hồ Chí Minh), do không chú ý quan sát nên bị cáo không nhìn thấy bị hại ông Vương Văn T3 đang đi bộ từ lề đường bên phải qua lề đường bên trái theo hướng xe ô tô lưu thông, dẫn đến tai nạn giao thông. Hậu quả, bị hại tử vong tại hiện trường (bút lục 95 - 107).

Vật chứng thu giữ: 01 thẻ nhớ bên trong chứa đoạn video ghi lại diễn biến vụ tai nạn giao thông; 01 xe ô tô biển số 61A-303.72 kèm theo giấy chứng nhận đăng ký xe và giấy chứng nhận đăng kiểm xe; 01 giấy phép lái xe hạng C số 740093001705. (bút lục 77 - 81).

Sau tai nạn các dấu vết để lại thể hiện đầy đủ tại Biên bản khám nghiệm hiện trường và Biên bản khám nghiệm phương tiện ngày 28/12/2024 (bút lục 34 – 37) và xác định: Đoạn đường xảy ra tai nạn là đoạn đường cong hai chiều, mặt đường trải nhựa, có dãy phân cách cứng rộng 1,3m phân chia phần đường thành hai chiều xe chạy, mỗi chiều rộng 10,8m, có ba làn đường, làn trong rộng 2,8m, làn giữa rộng 3,65m, làn ngoài rộng 4,05m, tầm nhìn bị hạn chế, đoạn đường có đèn chiếu sáng.

Theo Kết luận giám định tử thi số 243 ngày 02/02/2025 của Phòng K1 Công an tỉnh B, kết luận: Nguyên nhân chết của Vương Văn T3 là do đa chấn thương (bút lục 64 - 69). Theo Kết quả xét nghiệm ngày 28/12/2024, xác định: Nồng độ cồn trong máu của Phạm Minh T là 00mmol/L; xét nghiệm chất gây nghiện là âm tính (bút lục 60 - 61).

Theo Kết luận định giá tài sản số 37 ngày 28/02/2025 của Hội đồng định giá tài sản trong Tố tụng hình sự thành phố B, kết luận: Chi phí sửa chữa, thay thế phụ tùng bị hư hỏng của xe ô tô biển số 61A-303.72 là 12.490.000 đồng *(bút lục 70 - 74)*.

Tại Cáo trạng số 60/CT-VKS-18 ngày 29/8/2025 của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 18-Thành phố Hồ Chí Minh đã truy tố bị cáo về tội "Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ" theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 260 của Bộ luật Hình sự. Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 18-Thành phố Hồ Chí Minh giữ nguyên quan điểm và quyết định truy tố đối với bị cáo như tội danh trên và đề nghị.

- *Về hình phạt*: Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 260; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 của Bộ luật Hình sự, đề nghị xử phạt bị cáo từ 01 năm đến 01 năm 06 tháng tù.

- Về xử lý vật chứng: Ngày 05/02/2025, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B xử lý giao trả xe ô tô biển số 61A-303.72 kèm theo giấy chứng nhận đăng ký xe và giấy chứng nhận đăng kiểm xe cho ông Nguyễn Ngọc P *(bút lục 82 – 83)*. Đối với giấy phép lái xe hạng C số 740093001705 mang tên Phạm Minh T đề nghị trả lại cho bị cáo.

- Về trách nhiệm dân sự: Bà Nguyễn Thị T4 là người đại diện hợp pháp của ông Vương Văn T3 yêu cầu bồi thường và hỗ trợ chi phí mai táng, tổn thất tinh thần với tổng số tiền 125.000.000 đồng. Ông Nguyễn Ngọc P yêu cầu bồi thường chi phí sửa chữa, thay thế phụ tùng bị hư hỏng của xe ô tô biển số 61A-303.72 là 7.000.000 đồng. Phạm Minh T đồng ý với yêu cầu bồi thường của bà T4 và ông P nhưng hiện chưa có tiền (bút lục 76, 87 – 88). Quá trình giải quyết vụ án, ngày 22/9/2025, bị cáo đã bồi thường cho bị hại 30.000.000 đồng, ngày 26/9/2025, bồi thường thêm 35.000.000 đồng. Tổng số tiền giao cho bị hại là 65.000.000 đồng và 3.000.000 đồng cho ông P là chủ xe. Nay, bị cáo đồng ý bồi thường thêm cho bị hại 60.000.000 đồng và chủ xe ông P 4.000.000 đồng nên ghi nhận sự tự nguyện trên.

Tại phiên tòa, bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, không tranh luận và có ý kiến xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt để bị cáo có điều kiện cải tạo làm người công dân tốt. Bị hại có yêu cầu xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Lời nói sau cùng: Bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt để có thể về với gia đình chăm sóc con nhỏ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B (nay là Công an Thành phố H), Điều tra viên, Viện

kiểm sát nhân dân thành phố Bến Cát (nay là Viện kiểm sát nhân dân khu vực 18-Thành phố Hồ Chí Minh) và Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục do Bộ luật Tố tụng hình sự quy định và không bị ai khiếu nại gì về việc tiến hành các hoạt động tố tụng, thu thập chứng cứ đối với vụ án nên toàn bộ hoạt động tố tụng, thu thập chứng cứ có trong hồ sơ đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội. Lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, các tình tiết truy tố tại cáo trạng, phù hợp với biên bản xác định hiện trường, sơ đồ hiện trường tai nạn giao thông, biên bản khám nghiệm phương tiện, kết luận giám định pháp y tử thi và phù hợp với các tài liệu chứng cứ khác đã thu thập có trong hồ sơ vụ án. Do đó, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để kết luận:

[3] Khoảng 21 giờ 30 phút ngày 28/12/2024, trên đoạn đường Q thuộc khu phố E, phường B, Thành phố Hồ Chí Minh, do không chú ý quan sát nên bị cáo đã điều khiển xe ô tô (loại 05 chỗ) biển số 61A-303.72 va chạm vào người bị hại đang đi bộ từ lề đường bên phải qua lề đường bên trái theo hướng xe ô tô lưu thông, dẫn đến ông T3 tử vong tại hiện trường.

[4] Hành vi của bị cáo đã xâm phạm đến trật tự an toàn công cộng, làm thiệt hại đến tính mạng của con người. Hội đồng xét xử nhận thấy, bị cáo điều khiển xe ô tô không chú ý quan sát là đã vi phạm vào khoản 23 Điều 8 Luật Giao thông đường bộ, hậu quả là làm chết 01 người. Do đó, truy tố của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 18-Thành phố Hồ Chí Minh tại Cáo trạng số 60/CT-VKS ngày 29/8/2025 về tội "Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ" theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 260 của Bộ luật Hình sự là hoàn toàn có căn cứ và đúng quy định pháp luật.

[5] Khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử có xem xét đến các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo:

[5.1] Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[5.2] Bị cáo đã tự nguyện bồi thường khắc phục hậu quả cho gia đình bị hại, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, đại diện hợp pháp của bị hại có yêu cầu xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, bị hại có lỗi khi sang đường không đúng quy định dành cho người đi bộ. Đó là những tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[6] Xét thấy, bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, có nơi cư trú rõ ràng để cơ quan, tổ chức có thẩm quyền giám sát, giáo dục, không cần phải cách ly khỏi xã hội thì bị cáo vẫn có khả năng tự cải tạo và việc cho bị cáo hưởng án treo không gây nguy hiểm cho xã hội, không ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội là phù hợp theo quy định tại Điều 65 của Bộ luật Hình sự được hướng dẫn tại Văn bản hợp nhất số 03/VBHN-TANDTC ngày 10/7/2025 của Tòa án nhân dân Tối cao.

[7] Về hình phạt bổ sung: Không.

[8] Về trách nhiệm dân sự: Quá trình tố tụng, bị cáo đã bồi thường số tiền 65.000.000 đồng cho gia đình bị hại và 3.000.000 đồng cho chủ xe ông Nguyễn Ngọc P. Bị cáo đồng ý tiếp tục bồi thường thêm cho bị hại 60.000.000 đồng và cho chủ xe ông P 4.000.000 đồng nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[9] Về xử lý vật chứng: Ngày 05/02/2025, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B xử lý giao trả xe ô tô biển số 61A-303.72 kèm theo giấy chứng nhận đăng ký xe và giấy chứng nhận đăng kiểm xe cho ông Nguyễn Ngọc P *(bút lục 82 – 83*) là phù hợp. Đối với giấy phép lái xe hạng C số 740093001705 là giấy tờ hợp pháp của bị cáo nên trả lại cho Phạm Minh T (do không áp dụng hình phạt cấm hành nghề).

[10] Xét ý kiến luận tội của đại diện Viện Kiểm sát tại phiên tòa đối với bị cáo về phần tội danh, điều khoản truy tố là có căn cứ phù hợp với các tình tiết của vụ án đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa nên được Hội đồng xét xử chấp nhận. Riêng mức hình phạt 01 năm đến 01 năm 06 tháng tù là chưa tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo, cần xử bị cáo cao hơn mức đề nghị của Viện kiểm sát. Tuy nhiên, xét thấy bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự ở khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự, có nơi cư trú rõ ràng nên Hội đồng xét xử áp dụng hình phạt tù nhưng cho hưởng án treo.

[11] Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm, dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ Điều 106, khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136, khoản 1 và 4 Điều 331, khoản 1 Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

- Áp dụng điểm điểm a khoản 1 Điều 260; điều 48, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65 Bộ luật Hình sự; Văn bản hợp nhất số 03/VBHN-TANDTC ngày 10/7/2025 của Tòa án nhân dân Tối cao.

- Căn cứ Điều 584, 585, 589 của Bộ luật Dân sự;

- Căn cứ Điều 23 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội 14 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Tuyên bố bị cáo Phạm Minh T phạm tội "Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ".

Xử phạt bị cáo Phạm Minh T 01 (một) năm 08 (tám) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 03 (ba) năm 04 (bốn) tháng. Thời gian thử thách tính từ ngày Tòa tuyên án sơ thẩm (ngày 26/9/2025).

Giao bị cáo Phạm Minh T cho Ủy ban nhân dân phường T, Thành phố Hồ Chí Minh giám sát giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp người được

hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 92 của Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo theo quy định tại khoản 5 Điều 65 của Bộ luật Hình sự.

2. Áp dụng Điều 125 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015: Hủy Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú số: 54/2025/HSST-LC ngày 29 tháng 8 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 18-Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Về biện pháp tư pháp và xử lý vật chứng: Trả lại cho bị cáo Phạm Minh T giấy phép lái xe hạng C số 740093001705 mang tên Phạm Minh T (*theo biên bản về việc giao nhận vật chứng, tài sản ngày 17/9/2025 của Phòng Thi hành án dân sự khu vực 18-Thành phố Hồ Chí Minh)*.

4. Về trách nhiệm dân sự:

- Bị cáo Phạm Minh T có trách nhiệm bồi thường cho đại diện hợp pháp của bị hại là bà Lê Thị S, bà Nguyễn Thị T4, ông Vương Phú L, ông Vương Nguyễn Khởi B số tiền 60.000.000 đồng (sáu mươi triệu đồng).

- Bị cáo Phạm Minh T có trách nhiệm bồi thường cho ông Nguyễn Ngọc P số tiền 4.000.000 đồng (bốn triệu đồng).

Khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không thanh toán số tiền trên, thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

Trường hợp Bản án được thi hành án theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

5. Về án phí:

- Án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo Phạm Minh T phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng).

- Án phí dân sự sơ thẩm: Bị cáo Phạm Minh T phải chịu 3.200.000 đồng (ba triệu hai trăm ngàn đồng).

6. Quyền kháng cáo:

6.1. Bị cáo, đại diện hợp pháp của bị hại có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án.

6.2. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ theo quy định.

Nơi nhận:
- TAND TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND khu vực 18 - TP. Hồ Chí Minh;
- Phòng THADS khu vực 18 - TP. HCM;
- Cơ quan Cảnh sát Điều tra-Công an TP. Hồ Chí Minh;
- Phòng hồ sơ nghiệp vụ -Công an TP. Hồ Chí Minh (PV 06);
- UBND phường Thới Hòa, TP Hồ Chí Minh;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu: Hồ sơ, VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Tuấn Nam